TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 69/2017/HSPT
Ngày: 21-9-2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Tôn Văn Thông

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên trung cấp

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2017/HSPT ngày 24 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo Văn Quốc P do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Văn Quốc P**

Sinh năm 1991 tại tỉnh Tiền Giang; *ĐKTT:* Ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; *chỗ ở hiện nay:* Ấp Q, xã X, huyện E, tỉnh Bến Tre; *số chứng minh nhân dân:* xxxxxxxxx; *nghề nghiệp:* Làm thuê; *trình độ văn hóa:* 09/12; *dân tộc:* Kinh; con ông Văn Bá C và bà Đinh Thị L; vợ: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 19xx; *tiền sự:* Không; *tiền án:* Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 14-3-2017 cho đến nay (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Văn L – Luật sư Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (Có mặt);

- *Người bị hại*: Đặng Thị Huyền D, sinh ngày xx-xx-20xx; *ĐKTT*: Ấp F, xã H, huyện Đ, tỉnh Bến Tre (Có mặt);

- *Đại diện hợp pháp của bị hại*: Võ Thị Đ, sinh năm 19xx, *ĐKTT*: Ấp F, xã H, huyện Đ, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 7 năm 2016, Văn Quốc P, ngụ tại ấp L, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang kết hôn với chị Nguyễn Thị Kim N và chuyển về sinh sống tại quê vợ ở ấp Q, xã X,

huyện E, tỉnh Bến Tre. Hằng ngày, P đi làm thuê cho ông Nguyễn Chí H ở Khu phố x, thị trấn Đ, huyện Đ.

Rạng sáng ngày 11-03-2017, P điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 63xx-xxx.xx màu sơn trắng-đen-đỏ do P đứng tên chủ xe, lưu thông từ xã X, huyện E đến thị trấn Đ, huyện Đ để đi làm nhưng không có việc làm nên P quay trở về. Trên đường về, P chạy xe trên đường S thuộc ấp K, xã O, huyện Đ, thì phát hiện chị Đặng Thị Huyền D (Sinh ngày xx-xx-20xx, ngụ ấp F, xã H, huyện Đ, là học sinh lớp 11 Trường Trung học phổ thông Y) đang điều khiển xe đạp điện chạy một mình ngược chiều với xe của P để đi học, phía trước lồng xe có để một chiếc cặp học sinh (bên trong có tiền, điện thoại di động và dụng cụ học tập) nên nảy sinh ý định cướp giật chiếc cặp này để lấy tài sản tiêu xài cá nhân. Lúc này, khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, P quay xe lại, chạy song song bên trái của xe của chị D và dùng tay phải giật lấy chiếc cặp, rồi để lên ba ga xe của mình, tăng ga chạy thẳng ra đường huyện 15, rẽ trái về hướng Ủy ban nhân dân xã O và điều khiển xe chạy về huyện E.

Theo bản kết luận định giá tài sản số xx/KL-HĐĐG ngày 22-3-2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ và qua điều tra xác định số tài sản, đồ vật của chị D bị cướp giật với giá trị tài sản qua định giá như sau:

- Một chiếc cặp học sinh loại vải bố có hai quai xách có giá trị là 85.000 đồng.
- Số tiền mặt 322.000 đồng.
- Một điện thoại di động FPT, model FPT BUK41 màu trắng xanh có giá trị là 1.500.000 đồng.
- Bộ thước kẻ tỷ lệ bằng nhựa và compa có giá trị là 10.000 đồng.
- Một cây viết dạ quang có giá trị là 20.000 đồng.
- Một cây bút lông có giá trị là 5.000 đồng.
- Một máy tính Casino 570ES có giá trị là 150.000 đồng.
- Bốn cây viết bút bi Thiên Long 027 màu xanh có giá trị là 8.000 đồng.
- Hai cây viết bút bi Thiên Long 027 màu đỏ có giá trị là 4.000 đồng.
- Một cây viết chì có giá trị là 2.000 đồng.
- Một hộp phấn viết bảng màu trắng, đã sử dụng 01 cây có giá trị là 3.000 đồng.
- Một quyển tập học sinh Làng Hương loại 96 trang sử dụng ½ quyển có giá trị là 2.000 đồng.
- Hai sim điện thoại di động với số tiền trong tài khoản là 196.000 đồng.
- Bảy tờ giấy kẻ ngang có giá trị là 3.000 đồng.
- Một thẻ nhớ 4GB có giá trị là 60.000 đồng.

Tổng tài sản bị cướp giật có giá trị là 2.370.000 đồng.

Khi chạy ngang Cống đập M, P dừng xe lại, mở chiếc cặp lấy số tiền 322.000 đồng bỏ vào túi quần, lấy điện thoại di động (bên trong có thẻ nhớ 4GB), máy tính Casino, một cây bút lông và hai cây bút bi bỏ vào cốp xe. Số đồ vật còn lại, P ném xuống sông M, rồi chạy xe về nhà. Đến ngày 12-03-2017, P đưa điện thoại di động cho bà Nguyễn Thị L2 (bà ngoại vợ của P, sinh năm 19xx, ngụ ấp Q, xã X, huyện E) để sử dụng nhưng do bà không biết sử dụng nên đưa lại cho người cháu là em Võ Thị Thảo V (Sinh ngày xx-xx-20xx) sử dụng. P nói điện thoại di động do P nhặt được trên đường, bà L2 và em V không biết điện thoại di động do P cướp giật mà có. P đã tiêu xài cá nhân hết số tiền 322.000 đồng.

Ngày 14-3-2017, tại khu vực Cống đập M, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm lại số vật chứng mà P đã ném xuống sông nhưng kết quả không tìm lại được.

Ngày 13-3-2017, bà Nguyễn Thị L2 đã giao nộp lại điện thoại di động và thẻ nhớ 4GB; đồng thời P cũng đã giao nộp lại một máy tính Casino, một cây bút lông và hai cây bút bi cho Cơ quan điều tra. Ngày 14-3-2017, Cơ quan điều tra đã trao trả lại toàn bộ đồ vật này cho cho chị D.

Ngày 14-3-2017, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của P một xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 63xx-xxx.xx; một giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe máy số xxxxxx đăng ký xe môtô biển số 63xx-xxx.xx, tên chủ xe Văn Quốc P; một giấy phép lái xe hạng A1 số 820097001566 của Văn Quốc P; một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe môtô, xe máy Văn Quốc P số xxxxxxxx; một cái nón bảo hiểm màu bạc, phía trước có chữ Satymo; một cái áo sơ mi tay dài màu trứng sọc thẳng đứng, bên trong cổ áo có ghi chữ SADOCA; một cái quần dài có vải màu đen, loại quần nam và một đôi dép nhựa màu đen bích mỏ, đế dép có chữ ASIA, cỡ dép số 7.

Ngày 20-4-2017, chị Nguyễn Thị Kim N (vợ của P) và chị D cùng với người đại diện hợp pháp của chị D đã tự nguyện thoả thuận bồi thường thiệt hại với số tiền 870.000 đồng. Chị D đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Hành vi của Văn Quốc P điều khiển xe môtô để thực hiện việc cướp giật tài sản của chị Đặng Thị Huyền D khi chị đang chạy xe đạp điện trên đường là dùng thủ đoạn nguy hiểm để cướp giật tài sản theo hướng dẫn tại tiểu mục 5,3 mục 5 phần I của Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25-12-2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra, Văn Quốc P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của P phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám

nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Văn Quốc P phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Quốc P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14-3-2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26-7-2017 bị cáo Văn Quốc P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm, bị cáo bổ sung kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Người bị hại yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo, do hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo ăn năn hối hận, bị cáo là trụ cột trong gia đình.

Kiểm sát viên với quan điểm: Về thủ tục tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là tương xứng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Quốc P 02 (hai) năm tù về tội "Cướp giật tài sản". Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội danh, điều khoản áp dụng, xem xét các tình tiết giảm nhẹ là đúng nhưng mức hình phạt 02 năm tù là nghiêm khắc, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bản án sơ thẩm nêu, bị hại yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, theo Nghị quyết số 01 ngày 06-11-2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị cáo, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù cho bị cáo hưởng án treo.

Lời nói sau cùng bị cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Qua lời khai nhận của bị cáo kết hợp chứng cứ đã được thu thập có cơ sở xác định. Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 11-3-2017, trên đường S thuộc ấp K, xã O, huyện Đ, tỉnh Bến Tre, bị cáo Văn Quốc P thực hiện hành vi điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 63xx-xxx.xx giật chiếc cặp học sinh của chị Đặng Thị Huyền D đang chạy xe đạp điện trên đường để chiếm đoạt tài sản xong nhanh chóng tẩu thoát. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của chị D có trong cặp là 2.370.000 đồng.

[2] Với ý thức, hành vi và giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Văn Quốc P phạm tội "Cướp giật tài sản" theo theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung tăng nặng "*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*" là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhất thời phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự và được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở năm 2011; bị cáo có một người bác là liệt sĩ, cha ruột của bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự tại tỉnh Kiên Giang năm 1989; bị cáo có vợ đang mang thai; bị cáo là lao động chính trong gia đình, nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm xét các tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét là phù hợp, ngoài ra giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị không lớn và người bị hại không bị gây thiệt về sức khỏe thuộc trường hợp phạm tội gây thiệt hại không lớn chưa được xem xét; sau khi xét xử sơ thẩm người bị hại có đơn và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo. Xét bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ nên cần giảm thêm một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm giảm hình phạt tù cho bị cáo, do tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm không cho bị cáo hưởng án treo là phù hợp, do vậy, yêu cầu hưởng án treo của bị cáo, của người bị hại và đề nghị của người bào chữa cho bị cáo không được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận yêu cầu kháng cáo giảm hình phạt tù cho bị cáo, sửa bản án sơ thẩm số 24/2017/HSST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố bị cáo Văn Quốc P phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Văn Quốc P** 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 14-3-2017.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Văn Quốc P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Đ (1b);
- Công an huyện Đ (1b);
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, bị cáo (2b);
- TAND huyện Đ (3b);
- Chi cục THADS huyện Đ (1b);
- UBND xã B – huyện G, tỉnh Tiền Giang (1b);
- UBND xã X – huyện Đ (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh